TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/HS-PT
Ngày 03 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 25 tháng 8 và 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo: Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Nguyễn Gia B, Lê Thị Hoài L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Thị Ngọc D, sinh ngày 03/7/1990 tại Đồng Nai; giới tính: Nữ; nơi thường trú: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện nay: Tổ H, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Đại học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn M (đã chết ngày 09/6/2025) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên là An Ngọc A, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 07/6/2023; có mặt.

2. Phan Văn T, sinh ngày 10/9/1959 tại tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; nơi thường trú: E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Nghỉ hưu; trình độ học vấn: Đại học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 56-QĐ/UBKTTU ngày 25/5/2021 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đ3; con ông Phan Văn Đ, sinh năm 1923 (đã chết) và bà Ngô Thị Y, sinh năm 1923 (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên là Phí Thị D1, sinh năm 1960 và 02 con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội "Đưa hối lộ" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 (bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật); bị tạm giam: Ngày 06/6/2023; có mặt.

3. Trần Minh H1, sinh ngày 09/11/1965 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nơi thường trú: Số E khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện nay: K khu dân cư B, Khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Giảng viên Đại học; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 249-QĐ/UBKTTU ngày 19/6/2023 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đ3; con ông Trần Văn B1, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Bùi Thị C, sinh năm 1930; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên là Nguyễn Thị Kiều L1, sinh năm 1975 và 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 57/2025/HS-PT ngày 14 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Trần Minh H1 09 tháng tù về "Tội đưa hối lộ"; bị tạm giam: Ngày 06/6/2023; có mặt.

4. Đặng Minh T1**,** sinh ngày 15/3/1960 tại tỉnh Ninh Bình; giới tính: Nam; nơi thường trú: Số I, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện nay: Số A Tổ B, Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Nghỉ hưu; trình độ học vấn: Thạc sĩ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 173-QĐ/UBKTTU ngày 10/11/2023 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy B2; con ông Đặng Văn T2, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1933; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên là Trần Thị P, sinh năm 1964 và 02 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam: Ngày 25/10/2023; có mặt.

5. Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, sinh ngày 22/12/1981 tại tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Tổ G, Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ G, Khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Đại học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo

Quyết định số 766-QĐ/ĐUK ngày 14/11/2024 của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Đồng Nai; con ông Hoàng Văn L2 (đã chết ngày 25/7/2025) và bà Nguyễn Hòa L3, sinh năm 1961; hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên là Trần Ngọc Q, sinh năm 1981 và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/01/1952 tại Nam Định; giới tính: Nam; nơi thường trú: Số H, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: K, Khu phố A, phường B, thành phố B, Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Nghỉ hưu; trình độ học vấn: Thạc sĩ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 382-QĐ/UBKTTU ngày 26/12/2024 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Đ3; con ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1916 (đã chết) và bà Vũ Thị N1, sinh năm 1917 (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên là Trần Thị C1, sinh năm 1958 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1987); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Lê Thị Hoài L, sinh ngày 12/4/1979 tại tỉnh Nghệ An; giới tính: Nữ; nơi thường trú: H, Khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nơi ở hiện nay: Hẻm C, đường B, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Giảng viên; trình độ học vấn: Tiến sĩ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ2, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 96-QĐ/UBKTTU ngày 01/11/2023 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Đồng Nai; con ông Lê Trọng C2, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1952 (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Cao Thanh L4, sinh năm 1980 và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam: Ngày 25/10/2023; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc D:* Ông Nguyễn Tiến D2 là Luật sư của Công ty TNHH MTV P2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T:* Ông Phạm Văn Nghĩa L5 Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị T3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ và ông Nguyễn Văn S1 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn S1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh H1:* Ông Dương Đình H5 là Luật sư của Văn phòng L9, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia B và bị cáo Đặng Minh T1:* Ông Lê Quang Y1 và ông Nguyễn Trọng Y2 là Luật sư của Công ty L10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoài L và bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N:* Ông Trần Văn H6 là Luật sư của Công ty L11, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ;

- *Bị hại:* Trường Đại học Đ4; địa chỉ trụ sở: Số I L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp của Trường Đại học Đ4: Ông Đỗ Bảo Đ1, chức vụ: Chuyên viên phòng Tổ chức - Hành chính và Quản trị; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Dương Minh H7 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Đại học Đ4 được thành lập theo Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ một phần kinh phí. Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2022, Trường Đại học Đ4 có tổng kinh phí hoạt động là: 1.749.304.166.519 đồng (được ngân sách Nhà nước cấp: 1.075.831.367.693 đồng; nguồn thu tự chủ 673.472.798.880 đồng). Nguồn kinh phí trên phải được quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm và thực hiện niên độ kế toán theo năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm, nhưng Phan Văn T - nguyên Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính kiêm Kế toán trưởng Trường Đại học Đ4 (đến ngày 01/10/2019) cùng các Hiệu trưởng Trường Đại học Đ4 là Nguyễn Gia B (đến ngày 01/10/2010), Trần Minh H1 (từ 02/11/2010 đến năm 2019); Đặng Minh T1 (nguyên Phó trưởng phòng Phòng Đào tạo); Dương Minh H7 (nguyên Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng); Lê Thị Hoài L (nguyên Trưởng Bộ môn Quản lý Giáo dục); Hoàng Thị Kiều Nguyệt N - Kế toán trưởng Trường Đại học Đ4 (từ ngày 01/10/2019) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý, theo dõi thu, chi, để ngoài sổ kế toán, không báo cáo tài chính hằng năm một phần nguồn thu kinh phí tự chủ. Đối với bị cáo Võ Thị Ngọc D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền học phí, lệ phí các khóa hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học mà D được giao trách nhiệm thu, nộp, quản lý. Do nguồn thu tự chủ tăng hàng năm và để nhằm mục đích che giấu nguồn thu tự chủ, Phan Văn T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc sử dụng kinh phí, không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định bằng việc lập 2 hệ thống sổ kế toán, sử dụng chứng từ thu tiền là biên lai thu tiền và Phiếu thu tiền, cụ thể: Biên lai thu tiền sử dụng đối với việc thu học phí hệ chính quy hoặc khi đơn vị hợp đồng yêu cầu viết biên lai thu tiền; số tiền thu theo Biên lai thu tiền được hạch toán trên sổ kế toán, kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

theo quy định. Phiếu thu tiền do Phan Văn T chỉ đạo cho kế toán, nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài chính tự in để sử dụng khi thu kinh phí sự nghiệp tự chủ; số tiền thu theo Phiếu thu tiền được để ngoài sổ kế toán một phần để giấu doanh thu, không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ năm 2009 đến năm 2022, Trường Đại học Đ4 có nguồn thu tự chủ 673.472.798.880 đồng; trong đó có 86.464.360.839 đồng quản lý, thu, chi không đúng (gồm 6.559.731.000 đồng hạch toán trên sổ kế toán, đưa vào báo cáo tài chính và 79.904.629.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hằng năm) và 76.917.179.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hàng năm (gồm: 59.037.057.239 đồng theo dõi qua sổ phụ tại Ngân hàng N4 - Chi nhánh T18 (Ngân hàng N5); 10.834.959.100 đồng theo dõi qua sổ Quỹ tiền mặt từ ngày 10/11/2013 đến ngày 30/10/2016; 7.045.163.500 đồng tiền mặt do Phan Văn T - Kế toán trưởng giữ, không hạch toán trên sổ kế toán từ năm 2012 đến năm 2019 và 2.987.450.000 đồng do Võ Thị Ngọc D chiếm đoạt không báo cáo, giao nộp về Trường Đại học Đ4). Quá trình điều tra, truy tố xác định:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:

1.1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý thu, chi tiền gửi của Trường Đại học Đ4 tại Ngân hàng N5:

Từ tháng 6/2009 đến ngày 31/12/2018, Trường Đại học Đ4 mở hai tài khoản số 5913201000394 và số 5913201001380 tại Ngân hàng N5 theo dõi thu, chi qua sổ phụ ngân hàng 59.037.057.239 đồng: Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2017, Phan Văn Thanh T4 Hiệu trưởng ký chủ tài khoản để thực hiện rút séc 152 lần với số tiền 32.817.007.000 đồng nhưng chỉ hạch toán trên sổ theo dõi thu chi của kế toán Trường Đại học Đ4 và đưa vào báo cáo tài chính hằng năm 209.186.000 đồng, còn lại 32.607.821.000 đồng không hạch toán trên sổ kế toán, trong đó không có chứng từ chi hợp lệ, gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 6.348.821.468 đồng. Năm 2018, theo dõi thu, chi 26.429.236.239 đồng qua sổ phụ ngân hàng, để ngoài sổ kế toán, cụ thể:

- Từ tháng 6/2009 đến ngày 01/11/2010, Nguyễn Gia B cùng Phan Văn T 08 lần rút séc từ tài khoản Ngân hàng N5 số 5913201000394 với tổng số tiền 867.472.000 đồng nhưng chỉ có 203.000.000 đồng được ghi vào sổ theo dõi thu chi để báo cáo tài chính hằng năm, còn lại 664.472.000 đồng để ngoài sổ kế toán, trong đó theo dõi chi qua sổ quỹ tiền mặt 14.000.000 đồng, còn lại 650.472.000 đồng chi không đúng quy định, không có chứng từ chi, gây thiệt hại cho Trường Cao đẳng Đ4 (nay là Trường Đại học Đ4) 650.472.000 đồng.

- Từ ngày 02/11/2010 đến ngày 31/12/2017, Trần Minh H1 cùng Phan Văn T ký rút séc 144 lần tổng số tiền 31.949.535.000 đồng (trong đó có 08 lần T ký, viết tên thủ quỹ Nguyễn Thị Hồng M1 trên các tờ séc tại mục người nhận tiền để rút tổng số tiền 1.679.000.000 đồng) được hạch toán vào sổ kế

toán theo dõi để báo cáo tài chính hằng năm 6.186.000 đồng, để ngoài sổ kế toán 31.943.349.000 đồng, gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 5.698.349.468 đồng.

- Năm 2018, Trần Minh H1 cùng Phan Văn T để ngoài sổ kế toán, theo dõi qua sổ phụ ngân hàng 26.429.236.239 đồng dẫn đến Trường Đại học Đ4 không kê khai, kê khai sai doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp 37.074.189.364 đồng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 697.635.654 đồng.

1.2. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong lập chứng từ, quyết toán không đúng gây thiệt hại 5.463.195.000 đồng chi kinh phí các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp:

Năm 2018 và năm 2019, Trường Đại học Đ4 tổ chức các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp và thu học phí được tổng số tiền 53.385.995.000 đồng, Trần Minh H1, Phan Văn T, Đặng Minh T1, Dương Minh H7, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N lập chứng từ kế toán, quyết toán không đúng quy định 5.463.195.000 đồng. Đến năm 2020, nhằm che giấu hành vi phạm tội bằng cách hợp thức hóa hồ sơ chứng từ quyết toán, Phan Văn T cùng Trần Minh H1 tiếp tục bổ sung văn bản "Định mức kinh phí chi lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp" ghi ngày 03/9/2018 kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018.

Trần Minh H1 giao cho Phan Văn T hướng dẫn các bộ phận để thanh toán, quyết toán chi hết kinh phí các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp. Sau đó, T tham mưu cho Trần Minh H1 tự ban hành định mức chi, không có trong Quy chế chi tiêu nội bộ, theo đó Phan Văn T cân đối số tiền, bàn bạc cùng với Đặng Minh T1, Dương Minh H7, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N lập bảng tính công đề nghị thanh toán, lập chứng từ đề xuất chi không rõ ràng, không đầy đủ, không chính xác, chi các nội dung không có trong Quy chế chi tiêu nội bộ số tiền 6.830.654.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 5.463.195.000 đồng. Trong đó, Trần Minh H1 ký duyệt chi 6.830.654.000 đồng, gây thiệt hại 5.463.195.000 đồng; Phan Văn T ký duyệt chi 4.544.730.000 đồng gây thiệt hại 3.675.915.000 đồng; Hoàng Thị Kiều Nguyệt N ký duyệt chi 2.285.925.000 đồng gây thiệt hại 1.787.280.000 đồng; Đặng Minh T1 đề xuất chi 5.525.585.000 đồng gây thiệt hại 4.275.425.000 đồng; Dương Minh H7 đề xuất chi 523.070.000 đồng gây thiệt hại 443.470.000 đồng cho Trường Đại học Đ4. Số còn lại, các Kế toán và nhân viên Trường Đại học Đ4 đề xuất chi 781.999.000 đồng gây thiệt hại 774.300.000 đồng.

1.3. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chi lần 2 cho cùng nội dung gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 137.759.000 đồng kinh phí các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp:

Trong thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 9/2019, Trần Minh H1, Phan Văn T, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Đặng Minh T1, Dương Minh H7, Lê Thị

Hoài L lập chứng từ chi lần 2 cho cùng một nội dung đã chi trước đó, gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 137.759.000 đồng, trong đó: Trần Minh H1, Phan Văn T ký tên trên các bảng thanh toán tiền công 137.759.000 đồng; Trần Minh H1 ký tên Hiệu trưởng duyệt chi lần 2 cho cùng nội dung số tiền 137.759.000 đồng; Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng chi lần 2 cho cùng nội dung số tiền 21.039.000 đồng; Hoàng Thị Kiều Nguyệt N kế toán trưởng ký duyệt chi lần 2 cho cùng nội dung số tiền 116.720.000 đồng; Dương Minh H7 lập bảng tính công chi lần 2 cho cùng nội dung số tiền 22.500.000 đồng; Đặng Minh T1 lập bảng tính công chi lần 2 cho cùng nội dung 33.600.000 đồng; Lê Thị Hoài L và Đặng Minh T1, lập bảng đề nghị thanh toán để chi lần 2 cho cùng nội dung số tiền 21.039.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 04/9/2019, Đặng Minh T1 lập bảng tính công Hội đồng coi thi lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trung học cơ sở hạng 2 đợt 2 tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Đ năm 2019 với số tiền 11.200.000 đồng; Hội đồng coi thi lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Mầm non hạng 2 đợt 2 tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Đ năm 2019 với số tiền 11.200.000 đồng; Hội đồng coi thi lớp bồi dưỡng CDNN Tiểu học hạng 2 đợt 2 tại trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Đ năm 2019 với số tiền 11.200.000 đồng và ký tên người lập bảng, Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng, Trần Minh H1 ký tên Hiệu trưởng. Ngày 11/10/2019, Phòng Kế hoạch – Tài chính căn cứ vào bảng tính công do T1 lập, Phan Văn T ký tên trên mục Phòng Kế hoạch tài chính, H1 ký duyệt để làm 03 Phiếu chi tiền mặt chi 33.600.000 đồng cho các hội đồng nêu trên. Ngày 26/3/2020, Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Trần Minh H1 tiếp tục lập, ký tên để chi lần 2 cho cùng nội dung và số tiền 33.600.000 đồng đã được chi trước đó vào ngày 11/10/2019.

- Ngày 12/7/2019, Dương Minh H7 lập bảng tính công ra đề, chấm thi các lớp chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng 2 khối Tiểu học tại T B năm 2019 với số tiền 37.500.000 đồng và ký tên người lập bảng, Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng, Trần Minh H1 ký tên Hiệu trưởng. Ngày 13/8/2019, Phòng Kế hoạch – Tài chính căn cứ vào bảng tính công do H7 lập để lập Ủy nhiệm chi số tiền 37.500.000 đồng thanh toán tiền công ra đề, chấm thi. Ngày 26/8/2019, Dương Minh H7, Phan Văn T, Trần Minh H1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N tiếp tục lập, ký tên để chi lần 2 cho cùng nội dung và số tiền 22.500.000 đồng đã được chi trước đó vào ngày 13/8/2019.

- Lê Thị Hoài L lập bảng đề nghị thanh toán chi tiền dạy lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng 2 tại Trường Tiểu học B3, thành phố B (sĩ số 172 học viên) với số tiền 21.906.000 đồng ghi năm 2019 (không đề ngày tháng) và ký tên người lập bảng, Đặng Minh Thư K xác nhận bảng tính công, Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng, Trần Minh H1 ký tên Hiệu trưởng. Ngày 04/6/2019, Trường Đại học Đ4 căn cứ vào bảng đề nghị thanh toán do L lập để lập Ủy nhiệm chi 21.906.000 đồng tiền dạy lớp bồi dưỡng nêu trên. Ngày 05/8/2019, Lê Thị Hoài L, Đặng Minh T1, Phan Văn T,

Trần Minh H1 tiếp tục lập, ký tên để chi lần 2 cho cùng nội dung và số tiền 21.039.000 đồng đã được chi trước đó vào ngày 04/6/2019.

- Dương Minh H7 lập bảng tính công đối với 17 Hội đồng chấm thi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đợt thi từ ngày 01/8/2019 đến ngày 16/8/2019 với số tiền 93.450.000 đồng và ký tên người lập bảng, Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng, Trần Minh H1 ký tên Hiệu trưởng. Ngày 28/11/2019, Trường Đại học Đ4 căn cứ vào bảng tính công do H7 lập để lập Ủy nhiệm chi 93.450.000 đồng tiền công chấm thi. Ngày 04/9/2019, Phòng K1 tự lập thêm bảng tính công 17 Hội đồng chấm thi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đợt thi từ ngày 01/8/2019 đến ngày 16/8/2019 với số tiền 60.620.000 đồng, Phan Văn T - Kế toán trưởng, Trần Minh H1 - Hiệu trưởng ký tên. Cùng ngày 28/11/2019, Hiệu trưởng Trần Minh H1, Kế toán trưởng Hoàng Thị Kiều Nguyệt N ký duyệt trên hồ sơ thanh toán 60.620.000 đồng.

1.4. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:

Trong thời gian từ năm 2009 đến 2019, Phan Văn T là Kế toán trưởng cùng Hiệu trưởng Trần Minh H1 không kê khai, kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp các nguồn thu phải đóng thuế của Trường Đại học Đ4 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 1.585.611.879 đồng, cụ thể:

Từ tháng 6/2009 đến ngày 31/12/2017, Phan Văn T cùng các Hiệu trưởng Nguyễn Gia B, Trần Minh H1 không hạch toán trên sổ kế toán 32.607.821.000 đồng nguồn thu sự nghiệp tại Ngân hàng N5, không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 652.156.420 đồng, trong đó: Từ tháng 6/2009 đến ngày 01/11/2010, Phan Văn T cùng Nguyễn Gia B không hạch toán trên sổ kế toán, không kê khai nộp thuế số tiền từ nguồn thu sự nghiệp 664.472.000 đồng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 13.289.440 đồng. Từ ngày 02/11/2010 đến ngày 31/12/2017, Phan Văn T cùng Trần Minh H1 không hạch toán trên sổ kế toán, không kê khai nộp thuế số tiền từ nguồn thu sự nghiệp 31.943.349.000 đồng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 638.866.980 đồng.

Từ ngày 10/11/2013 đến ngày 30/10/2016, Phan Văn T cùng Trần Minh H1 bàn bạc, thống nhất lập thêm sổ theo dõi quỹ tiền mặt để theo dõi số tiền 10.834.959.100 đồng nguồn thu sự nghiệp (học phí, lệ phí ngoài sư phạm, cho thuê cơ sở vật chất...) và để ngoài sổ kế toán để chi cho hoạt động của Trường Đại học Đ4 dẫn đến không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 235.819.805 đồng.

Năm 2018, Trường Đại học Đ4 có doanh thu phải tính thuế là 62.058.266.839 đồng từ nguồn thu sự nghiệp (học phí, lệ phí ngoài sư phạm, cho thuê cơ sở vật chất...) với số tiền thuế phải nộp 1.280.467.210 đồng nhưng Phan Văn T cùng Trần Minh H1 chỉ kê khai doanh thu phải tính thuế 24.984.077.475 đồng và đã nộp 582.831.560 đồng. Còn lại 37.074.189.364 đồng không kê khai, kê khai sai dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước

697.635.654 đồng.

1.5. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý thu, chi tiền thu học phí, lệ phí hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2:

Từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2019, Phan Văn T lợi dụng chức vụ, quyền hạn quản lý, sử dụng 8.424.463.500 đồng tiền thu học phí, lệ phí hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 (VB2), trong đó không hạch toán vào sổ kế toán 7.045.163.500 đồng và chi lần 2, lần 3 cùng nội dung 1.379.300.000 đồng. Cụ thể: T giao kế toán Nguyễn Thị Uyên V, Vũ Thị Huyền T5 thu học phí, lệ phí hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 sau đó nộp lại cho T. Nguyễn Thị Uyên V thu, nộp cho T 7.605.065.000 đồng, T để ngoài sổ sách 2.914.000.000 đồng. Vũ Thị Huyền T5 thu, nộp cho T 9.612.385.500 đồng, Phan Văn T để ngoài sổ sách kế toán 4.131.163.500 đồng, gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 8.424.463.500 đồng, trong đó 7.045.163.500 đồng Cơ quan An ninh điều tra tách tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau, còn lại 1.379.300.000 đồng Trần Minh H1 và Phan Văn T sử dụng để chi không đúng quy định.

Quá trình thu học phí, lệ phí, Vũ Thị Huyền T5 đã chi hoàn trả học phí, lệ phí trực tiếp cho sinh viên, từ danh sách sinh viên nhận tiền hoàn trả (viết tay hoặc đánh máy) do Vũ Thị Huyền T5 lập, Phan Văn T tiếp tục lập chứng từ chi hoàn trả học phí, lệ phí nhằm hợp thức hóa cho các nội dung đã chi không đúng quy định 1.379.300.000 đồng, tại 04 phiếu chi và 01 phiếu thu, gồm: Phiếu chi số 13A ngày 10/6/2018, nội dung "hoàn trả học phí lớp Đại học liên thông Khóa 7 (P. Nội vụ B4), số tiền 334.400.000 đồng; Phiếu chi số 35PC ngày 14/10/2018, nội dung "hoàn trả tiền học phí lớp Đại học liên thông Khóa 7-P.Nội vụ Biên Hòa, số tiền 354.900.000 đồng; Phiếu chi số 52PC ngày 22/11/2018, nội dung "hoàn trả học phí Đại học liên thông Khóa 7 - P.Nội vụ B4", số tiền 126.350.000 đồng; Phiếu chi số 57PC ngày 17/12/2018, nội dung "hoàn trả lệ phí xét hồ sơ các lớp Đại học liên thông", số tiền 208.750.000 đồng; Phiếu thu PT 0095KB ngày 04/6/2018, nội dung "Học phí các lớp ĐHLT Khóa 6 và Cao đẳng Tiểu học (2017-2018)" theo quy định phải nộp tiền 456.470.000 đồng, nhưng Phan Văn T chỉ nộp 101.570.000 đồng, còn lại 354.900.000 đồng Phan Văn T sử dụng hợp thức hóa cho nội dung chi không đúng quy định trước đó.

1.6. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong chấm bài thu hoạch các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp năm 2018 - 2019:

Từ năm 2018 đến 2020, Trần Minh H1 (Hiệu trưởng) giao cho Lê Thị Hoài L (Trưởng Bộ môn Quản lý giáo dục) và Dương Minh H7 (Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng) tổ chức chấm bài thu hoạch bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên các hạng hệ Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông năm 2018 – 2019. Theo quy định, việc chấm bài thu hoạch bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên các hạng hệ Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông không được tính tiền công (do không

nằm trong quy chế chi tiêu nội bộ) nhưng Dương Minh H7 cùng Lê Thị Hoài L lập hồ sơ đề nghị thanh toán 271.456.000 đồng tiền công chấm 16.966 bài thu hoạch và đã được quyết toán chi trả gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 187.376.000 đồng, 84.080.000 đồng chưa được quyết toán chi trả, trong đó: Trần Minh H1, ký tên Hiệu trưởng duyệt chi 271.456.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 187.376.000 đồng; Phan Văn T ký tên Kế toán trưởng duyệt chi 149.600.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 149.600.000 đồng; Hoàng Thị Kiều Nguyệt N ký tên Kế toán trưởng duyệt chi 121.856.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 37.776.000 đồng.

Ngoài ra, L và H7 không tổ chức chấm thi theo đúng quy định, trong đó H7 không lập thủ tục giao, nhận bài thu hoạch với giám khảo là giảng viên Bộ môn Quản lý Giáo dục. Bài thu hoạch được Dương Minh H7 trực tiếp giao đến Bộ môn Quản lý Giáo dục, không kiểm tra, giám sát việc chấm bài thu hoạch. Thư ký chỉ nhận bảng điểm để chuyển Phòng Đào tạo làm thủ tục công nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng; việc lưu bài thu hoạch do Dương Minh H7 cùng Bộ môn Quản lý Giáo dục tự ý đưa vào kho lưu trữ, không thông qua sự giám sát của thư ký chấm thi. Lê Thị Hoài L không tổ chức chấm bài thu hoạch mà cho điểm khống và yêu cầu các giám khảo thuộc Bộ môn Quản lý Giáo dục ký tên hợp thức hóa trên bảng điểm. Lê Thị Hoài L tự ý cho điểm trên bảng điểm nên tại bài thu hoạch không ghi tên giám khảo, không có chữ ký giám khảo, không ghi điểm số tại ô "Đánh giá kết quả thu hoạch" ở trang bìa theo mẫu do Bộ đưa ra hướng dẫn học viên làm theo. Tháng 8/2020, khi bị phát hiện sai phạm trên Lê Thị Hoài L đã chỉ đạo, yêu cầu các giảng viên lập 140 Phiếu con (Phiếu con thể hiện điểm từng phần và điểm tổng của bài thu hoạch) để hợp thức hóa điểm thành phần cho từng bài thu hoạch và số tiền đã được thanh toán chi trả công chấm bài thu hoạch.

Các giảng viên Lê Đăng H8, Phan Thị Hồng H9, Cao Thị H10, Lê Thị Hải Y3, Lê Thanh T6, Đào P, Nguyễn Thị Thu T7, Trần Thị Ngọc T8, Đoàn Thị H11, Hồ Hoàng Y4 không tham gia chấm bài thu hoạch hoặc chấm không đúng quy định nhưng được Lê Thị Hoài L đưa bảng điểm có sẵn điểm số và yêu cầu ký tên giám khảo trên bảng điểm, do nể nang nên họ đã ký theo yêu cầu của Lê Thị Hoài L. Do đó, không có cơ sở tính công chấm bài thu hoạch mà chỉ dựa vào bảng điểm để lập đề xuất đề nghị thanh toán tiền công chấm bài thu hoạch cho giảng viên Bộ môn Quản lý Giáo dục, Dương Minh H7 ký đề xuất đề nghị thanh toán với số tiền là 271.456.000 đồng, đến nay đã được quyết toán không đúng, chi trả 187.376.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

Lê Thị Hoài L được đề nghị thanh toán tiền công chấm 9.833 bài (đã được thanh toán 96.224.000 đồng với 6.014 bài, L nhận 48.816.000 đồng); Hồ Hoàng Y4 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 7.226 bài (đã được thanh toán 93.920.000 đồng với 5.870 bài, Y4 nhận 46.960.000 đồng); Lê Đăng H8 và Hồ Hoàng Y4 được đề nghị thanh toán chấm 183 bài (đã được thanh toán 2.928.000 đồng với 183 bài); Cao Thị H10 và Lê Thị Hoài L được đề nghị

thanh toán chấm 118 bài (đã được thanh toán 1.888.000 đồng với 118 bài); Lê Thị Hải Y3 được đề nghị thanh toán chấm 258 bài (đã được thanh toán 4.128.000 đồng với 258 bài, Y3 nhận 2.064.000 đồng); Đào Phan Đình T9 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 5.703 bài (đã được thanh toán 62.304.000 đồng với 3.894 bài, T9 nhận 31.152.000 đồng); Lê Thanh T6 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 3.842 bài (đã được thanh toán 28.960.000 đồng với 1.810 bài, T6 nhận 14.480.000 đồng); Nguyễn Thị Thu T7 và Đoàn Thị H11 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 214 bài (đã được thanh toán 3.424.000 đồng với 214 bài, T7 nhận 1.712.000 đồng); Đoàn Thị H11 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 5.012 bài (đã được thanh toán 67.600.000 đồng với 4.225 bài, H11 nhận 33.800.000 đồng); Trần Thị Ngọc T8 được đề nghị thanh toán tiền công chấm 1.453 bài (đã được thanh toán 11.968.000 đồng với 748 bài, T8 nhận 5.984.000 đồng); Phan Thị Hồng H9 và Lê Đăng H8 được đề nghị thanh toán chấm 71 bài nhưng chưa được thanh toán.

Khi được quyết toán tiền công chấm bài thu hoạch, Lê Thị Hoài L đề nghị các giảng viên đưa lại tiền cho L do L làm công tác quản lý, ít tham gia giảng dạy dẫn đến thu nhập giảm nên 09 giảng viên Lê Đăng H8, Phan Thị Hồng H9, Cao Thị H10, Lê Thị Hải Y3, Nguyễn Thị Thu T7, Lê Thanh T6, Đào Phan Đình T9, Trần Thị Ngọc T8, Đoàn Thị H11 đồng ý. Lê Thị Hoài L được chi trả nhận 48.816.000 đồng, 09 giảng viên trên đã được chi trả 91.600.000 đồng nhưng đều đưa lại cho L sử dụng. Riêng, Hồ Hoàng Y4 được chi trả 46.960.000 đồng nhưng không được L đề nghị đưa lại tiền cho L nên đã sử dụng cá nhân. Như vậy, Lê Thị Hoài L đã nhận 137.416.000 đồng, Hồ Hoàng Y4 đã nhận 46.960.000 đồng được chi không đúng quy định gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 187.376.000 đồng.

2. Hành vi tham ô tài sản của Võ Thị Ngọc D:

Từ năm 2013 đến tháng 6/2021, Võ Thị Ngọc D là Kế toán được Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính giao thực hiện thu học phí, lệ phí hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học (HP, LP LT, VLVH). Khi thu tiền, D trực tiếp thu tiền mặt của từng lớp sau đó nộp về nhà trường. Trong thời gian trên, Võ Thị Ngọc D đã thu 29.836.822.000 đồng. Lợi dụng sự tin tưởng và quản lý lỏng lẻo, thiếu đối chiếu, kiểm tra trong quản lý, theo dõi thu, nộp tiền thu học phí, lệ phí, D đã chiếm đoạt một phần tiền tổng cộng 2.987.450.000 đồng và báo cáo nộp về nhà trường là 26.849.372.000 đồng. Số tiền 2.987.450.000 đồng tham ô được, Võ Thị Ngọc D đã sử dụng 921.665.000 đồng, trong đó đưa cho chồng là An Ngọc A (sinh năm 1990, nơi cư trú Tổ A, Ấp G, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) trả nợ 900.000.000 đồng và tiêu xài 21.665.000 đồng, còn lại 2.065.785.000 đồng D cất giấu trong tủ cá nhân tại nơi làm việc. Đến ngày 06/6/2023, bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ khám xét phát hiện thu giữ của Võ Thị Ngọc D: 2.098.325.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, số IMEI 355900068065464; 01 máy tính xách tay màu xám hiệu HP 348G7 (1YWTY-9PG93PA). Ngày 28/6/2023, ông Võ Văn

M (bố của bị can Võ Thị Ngọc D) nộp 707.000.000 đồng vào tài khoản 3949.0.9058034.00000 của Cơ quan An ninh điều tra tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Võ Thị Ngọc D.

3. Nộp khắc phục hậu quả:

Các bị cáo: Lê Thị Hoài L nộp 21.039.000 đồng; Dương Minh H7 nộp 22.500.000 đồng; Hoàng Thị Kiều Nguyệt N nộp 15.680.000 đồng (tiền chi trả cho Nguyễn Hoàng L6 và Phí Hữu H12); Nguyễn Gia B nộp 331.880.720 đồng; bà Trần Thị Phương N2 khắc phục hậu quả cho Đặng Minh T1 33.600.000 đồng; ông Võ Văn M nộp khắc phục hậu quả cho Võ Thị Ngọc D 707.000.000 đồng và nhân viên Trường Đại học Đ4 gồm: Vũ Thúy Thụy A1 nộp 13.090.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc Á nộp 2.380.000 đồng, Đặng Trần Phương L7 nộp 2.100.000 đồng, Trần Thị Thu T10 nộp 5.810.000 đồng; Đinh Ngọc T11 nộp 8.120.000 đồng, Đỗ Thị Thanh T12 nộp 6.440.000 đồng; Hồ Hoàng Y4 nộp 46.960.000 đồng, tổng cộng 1.216.599.720 đồng vào tài khoản của Cơ quan An ninh điều tra tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ để khắc phục hậu quả.

4. Kết luận giám định và ý kiến của cơ quan chuyên môn.

4.1. Văn bản số 254 ngày 15/3/2023 của Cục N6 và Cán bộ quản lý giáo dục - Bộ G có trả lời: Việc chấm bài thu hoạch các lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thời điểm năm 2018, 2019 của Trường Đại học Đ4 là không đúng quy định.

4.2. Văn bản số 8250/BTC-TCCB ngày 04/8/2023 của Bộ T19 về việc Giám định tư pháp về kế toán và thuế trong vụ án hình sự xảy ra tại Trường Đại học Đ4 xác định Trường Đại học Đ4 chỉ theo dõi thu, chi nguồn thu sự nghiệp (số tiền 26.429.236.239 đồng) trên 02 tài khoản ngân hàng N4 qua sổ phụ ngân hàng mà không mở sổ kế toán theo quy định thì được coi là hành vi sai phạm để ngoài sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán.

4.3. Kết luận giám định số 6901/KLGĐ-GĐV ngày 09/11/2023 của Sở Tài chính tỉnh Đ xác định: Trường Đại học Đ4 không kê khai, để ngoài sổ kế toán doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 với số tiền 37.074.189.364 đồng, dẫn đến gây thiệt hại số tiền thuế phải nộp ngân sách Nhà nước là 697.635.654 đồng ... đối tượng bị gây thiệt hại chính là ngân sách Nhà nước.Hành vi lập chứng từ 2 lần cho cùng một nội dung chi là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015: "Chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính"; hành vi nêu trên dẫn đến gây thiệt hại tài chính đối với Trường Đại học Đ4 với số tiền là 137.759.000 đồng. Số tiền thiệt hại từ việc chi tiền công các lớp chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Đ4 là 5.463.195.000 đồng.

4.4. Kết luận giám định số 1049/KLGĐ-GĐV ngày 27/02/2024 của Sở Tài chính tỉnh Đ xác định: Từ năm 2009 - 2017, các bị can và người liên quan

đã để ngoài sổ kế toán 32.607.821.000 đồng gây thiệt hại đối với trường Đại học Đ4 6.348.821.468 đồng và không kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp 32.607.821.000 đồng gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước 652.156.420 đồng; Trường Đại học Đ4 không kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn từ ngày 10/11/2013 đến ngày 30/10/2016 với số tiền 10.834.959.100 đồng dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước 235.819.805 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

1. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc D 18 (mười tám) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2023.

2. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 12 (mười hai) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt tù của bản án này với hình phạt 01 năm 02 tháng tù về tội "Đưa hối lộ" của Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HSST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Phan Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 (mười ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ 06/6/2023.

3. Xử phạt bị cáo Trần Minh H1 09 (chín) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023.

4. Xử phạt bị cáo Đặng Minh T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

5. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N 07 (bảy) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia B 03 (ba) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ chấp hành án.

7. Xử phạt bị cáo Dương Minh H7 04 (bốn) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

8. Xử phạt bị cáo Lê Thị Hoài L 05 (năm) năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, bị cáo Đặng Minh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, bị cáo Võ Thị Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, bị cáo Lê Thị Hoài L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và hình phạt.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Gia B kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, bị cáo Phan Văn T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; bị cáo Trần Minh H1 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt và bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Đặng Minh T1, Lê Thị Hoài L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Gia B xin được hưởng án treo; bị cáo Phan Văn T và bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Từ năm 2009 đến năm 2022, Trường Đại học Đ4 có nguồn thu tự chủ 673.472.798.880 đồng, trong đó có 86.464.360.839 đồng quản lý, thu, chi không đúng (gồm 6.559.731.000 đồng hạch toán trên sổ kế toán, đưa vào báo cáo tài chính và 79.904.629.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hằng năm) và 76.917.179.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hàng năm (gồm: 59.037.057.239 đồng theo dõi qua sổ phụ tại Ngân hàng N4, Chi nhánh T18; 10.834.959.100 đồng theo dõi qua sổ Quỹ tiền mặt từ ngày 10/11/2013 đến ngày 30/10/2016; 7.045.163.500 đồng tiền mặt do Phan Văn T - Kế toán trưởng giữ, không hạch toán trên sổ kế toán từ năm 2012 đến năm 2019) và 2.987.450.000 đồng do Võ Thị Ngọc D chiếm đoạt. Với hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và "Tội tham ô tài sản" là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Xét kháng cáo của các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Võ Thị Ngọc D: Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để điều tra vụ án nhanh; bị cáo có cha là ông Võ Văn M được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; ông nội của bị cáo được Hội đồng Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bà ngoại được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; ông nội của bị cáo được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng; có bác ruột được tặng thưởng Huân chương

kháng chiến và huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khắc phục thêm số tiền 110.000.000 đồng nên toàn bộ số tiền tham ô của Trường Đại học Đ4 đã được khắc phục toàn bộ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Đối với bị cáo Phan Văn T: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã nhận thức được việc làm của mình là sai khi không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao dẫn đến gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4; đồng thời, bị cáo cũng đã khắc phục thêm số tiền 700.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các điểm b, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Minh H1: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H1 đã tác động tới gia đình nộp số tiền 3.138.824.234 đồng khắc phục toàn bộ hậu quả cho Trường Đại học Đ4. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 3 đến 4 năm tù. Đồng thời, do bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên đề nghị giải tỏa lệnh kê biên tài sản của bị cáo H1 theo quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Thị Hoài L: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục hậu quả xảy ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N: Giữ vai trò thấp hơn các bị cáo Phan Văn T, Trần Minh H1 nên cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này.

Đối với bị cáo Nguyễn Gia B: Hành vi phạm tội của bị cáo đã kết thúc từ năm 2010. Sau khi bị khởi tố, bị cáo B đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 331.880.720 đồng; hiện nay đã trên 73 tuổi; được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú; được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; đã trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1971-1975 tại Chiến trường Quảng Trị, tham gia chiến dịch phòng không không quân 72 ngày đêm; quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình Thư cảm ơn của Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2025 có nội dung thể hiện bị cáo B có công phát hiện, trình báo Công an bắt giữ đối tượng Lin Hong D3 (quốc tịch Đài Loan) có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Đề nghị áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo B có đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để cho bị cáo B hưởng án treo là phù hợp.

Về biện pháp tư pháp: Ngoại trừ bị cáo Phan Văn T, các bị cáo trong vụ án đã thực hiện xong phần trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải tỏa lệnh kê biên và trả lại tài sản cho các bị cáo trong vụ án.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc D trình bày quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo D tham ô số tiền 2.987.450.000 đồng, trong đó có 910.000.000 đồng bị cáo D đưa cho chồng trả nợ, số tiền còn lại bị cáo D cất trong tủ làm việc. Tuy nhiên, thực chất việc bị cáo D giữ số tiền này mà không sử dụng là do chờ chồng của bị cáo trả lại số tiền đã vay sau đó sẽ quyết toán cho nhà trường nên bị cáo không có ý thức chiếm đoạt như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo D được phân công nhiệm vụ trực tiếp viết biên lai và thu tiền, sau đó chuyển lại cho Thủ quỹ, Kế toán trưởng trên sổ viết tay. Xuất phát từ việc quản lý lỏng lẻo của những người có trách nhiệm dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, cần xác định bị cáo phạm tội do hoàn cảnh và mang tính phụ thuộc Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và Thủ quỹ. Về số tiền 2.987.450.000 đồng tham ô đã được Cơ quan Điều tra thu giữ. Trong quá trình điều tra, cha của bị cáo đã khắc phục thay cho bị cáo được 810.000.000 đồng. Số tiền 110.000.000 đồng còn lại đã được tiếp tục khắc phục ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Như vậy, số tiền tham ô đã được bị cáo khắc phục toàn bộ nên cần phải được xem xét khi lượng hình.

Về nhân thân, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sau khi bị bắt tạm giam thì chồng của bị cáo đã bỏ đi, bị cáo còn 02 con nhỏ cần người chăm sóc, cha của bị cáo mới qua đời vào tháng 7/2025. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để điều tra vụ án nhanh; bị cáo có cha là ông Võ Văn M được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; ông nội của bị cáo được Hội đồng Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bà ngoại được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng ba; ông nội của bị cáo được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng; có bác ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 và có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bên cạnh đó, khi xác định tổng cộng số tiền của những lần tham ô trên 1.000.000.000 đồng nên bị cáo mới bị xét xử ở khoản 4 Điều 343 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó không thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Mặt khác, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tội danh Tham ô tài sản nên việc quyết định hình phạt đối với bị cáo D cần phải được xem xét lại cho phù hợp.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Bị cáo Võ Thị Ngọc D trình bày:

Thống nhất với quan điểm của Luật sư và bổ sung ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm về chăm con nhỏ, bị cáo biết mình đã sai nên xin cho bị cáo cơ hội để làm lại cuộc đời, cha của bị cáo vì lo cho bị cáo nên sinh trọng bệnh và đã mất.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T trình bày quan điểm:

Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý thu, chi tiền gửi của Trường Đại học Đ4: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo Thanh lập 02 hệ thống sổ sách kế toán là không đúng vì Trường Đại học Đ4 hoạt động từ 02 nguồn thu là ngân sách Nhà nước và các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp không sử dụng ngân sách Nhà nước. Các hoạt động thu, chi được thể hiện công khai, minh bạch thông qua 02 cuốn sổ quỹ tiền mặt; trong đó có một số khoản chi không được hạch toán đầy đủ là do sự vô ý của kế toán dẫn đến thất lạc chứng từ. Việc mở tài khoản tại Ngân hàng A2, Chi nhánh T18 để theo dõi thu, chi của Trường Đại học Đ4 được thực hiện đúng quy định tại Điều 13 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Đối với số tiền 5.968.349.468 đồng được ghi chép thu, chi qua sổ phụ ngân hàng và kho bạc Nhà nước, trong đó tài khoản số 5913201000394 có số dư 1.150.000.000 đồng và tài khoản số 5913201001318 có số dư 4.548.00.000 đồng. Sau khi rút tiền, thủ quỹ đã nộp vào Kho bạc Nhà nước khoảng 5.000.000.000 đồng nên số tiền nếu cho rằng bị thiệt hại do bị cáo T gây ra thì cũng chỉ là 698.349.468 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền 5.968.349.468 đồng là không có căn cứ.

Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong lập chứng từ, quyết toán không đúng 5.463.195.000 đồng: Số tiền này đã được bị cáo T chi trả cho 587 giáo viên, nhân viên của Trường Đại học Đ4 theo Kết luận số 48/DKT ngày 15/4/2021 của Đoàn Kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 và Kết luận số 554/KL-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền trên là không hợp lý.

Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong chi lần hai cho cùng một nội dung gây thiệt hại số tiền 137.759.000 đồng: Bảng đề nghị thanh toán năm 2019 không ghi ngày tháng và Bảng đề nghị thanh toán đề ngày 05/8/2019 đều do bị cáo L, T1, H1 lập. Bị cáo T có sai sót khi ký nhưng không kiểm tra và không có động cơ vụ lợi nên đề nghị xem xét lại.

Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo khoản 5 Điều 3 Thông tư số 123/2012/TT-BTC và điểm a khoản 2 Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của Bộ T19 thì Trường Đại học Đ4 không phải là đối tượng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm quy buộc trách nhiệm của bị cáo T trong việc không kê khai nộp thuế doanh nghiệp là chưa chính xác.

Về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong chấm bài thu hoạch các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp năm 2018 – 2019: Do tin tưởng hồ sơ thanh toán do bị cáo L lập và được bị cáo H7 ký xác nhận nên bị cáo T đã ký duyệt. Như vậy, lỗi của bị cáo T trong trường hợp này là vô ý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại. Theo quy định tại Điều 30 Luật Giám định tư pháp năm 2012 thì việc giám định lần hai phải do Hội đồng giám định thực hiện nhưng Kết luận giám định số 6901/KLGĐ-GĐT ngày 09/11/2023 lại do giám định viên Lê Đình T13 thực hiện là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù chưa chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi phạm tội nhưng bị cáo T cũng đã nhận thức được việc làm của mình là sai khi không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao dẫn đến gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4; đồng thời, bị cáo cũng đã khắc phục thêm số tiền 700.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các điểm b, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Phan Văn T trình bày:

Như Luật sư đã bào chữa, bị cáo nhận thấy những thiệt hại quy kết cho bị cáo là chưa phù hợp nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cũng đã nhận thức được bản thân đã chưa làm hết trách nhiệm, chủ quan, tin tưởng cấp dưới nên để xảy ra hệ quả như ngày hôm nay. Bị cáo từng tham gia quân đội, có công với Cách mạng, được tặng thưởng nhiều bằng khen trong quá trình công tác, học tập, chiến đấu; trong vụ án này, bị cáo hoàn toàn không có động cơ vụ lợi mà chỉ có lỗi trong công tác giám sát, quản lý. Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình vì bị cáo hiện nay cũng đã gần 70 tuổi, đồng thời xem xét lại trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh H1 trình bày quan điểm:

Tội phạm trong vụ án này thuộc trường hợp cấu thành vật chất nhưng Cơ quan An ninh điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can trước khi có kết luận giám định thiệt hại là không đúng. Cơ quan Điều tra tiến hành trưng cầu 02 Giám định viên có cùng tư cách trong cùng vụ án nhưng kết quả giám định khác nhau thì việc giám định lần 2 phải do Hội đồng giám định thực hiện. Tuy nhiên, theo Điều 30 Luật Giám định tư pháp năm 2012 thì việc giám định lần hai phải do Hội đồng giám định thực hiện nhưng Kết luận giám định số 6901/KLGĐ-GĐT ngày 09/11/2023 lại do giám định viên Lê Đình T13 thực hiện là không đúng. Bên cạnh đó, sai phạm của Trường Đại học Đ4 xảy ra trong thời gian dài và với vai trò là Thủ trưởng nên bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm là đúng. Tuy nhiên, sai phạm đó phần lớn xuất phát từ tham mưu của những người có chức trách, nhiệm vụ là các bị cáo trong cùng vụ án, trong khi bị cáo H1 chỉ là người làm công tác quản lý, không có nghiệp vụ kế toán, tài chính.

Việc tồn tại 02 hệ thống sổ sách kế toán đã có từ trước, cho đến khi bị

cáo H1 được bổ nhiệm Hiệu trưởng thì vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống sổ sách này vì cho rằng phù hợp với điều kiện thực tại khi mà đơn vị có nguồn kinh phí tự chủ, tức là kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước. Bị cáo H1 hoàn toàn không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác. Đối với số tiền 5.463.195.000 đồng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho bị cáo H1 gây thiệt hại khi lập chứng từ, quyết toán không đúng, nhưng số tiền này trên thực đã được bị cáo H1 và bị cáo T chi trả cho 587 giáo viên, nhân viên của Trường Đại học Đ4. Các Kết luận số 48/DKT ngày 15/4/2021 của Đoàn Kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 và Kết luận số 554/KL-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 đã thể hiện nội dung này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền trên là không có cơ sở. Hành vi này của bị cáo H1 chỉ có thể phạm "Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Theo kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng, từ ngày 02/11/2010 đến ngày 31/12/2017 bị cáo H1 cùng bị cáo T ký rút séc 144 lần với tổng số tiền là 31.949.535.000 đồng, được hạch toán trên sổ sách báo cáo tài chính hằng năm 6.186.000 đồng, để ngoài sổ sách 31.943.349.000 đồng, gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 5.968.349.468 đồng. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa xác định được số tiền này được hạch toán vào mục nào nên chưa đủ cơ sở xác định trách nhiệm của bị cáo H1.

Mặc dù không chứng minh được những thiệt hại trên xuất phát từ hành vi phạm tội nhưng bị cáo H1 cũng đã thừa nhận những sai phạm trong quá trình quản lý, điều hành và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo H1 có công trong việc xây dựng, phát triển, nâng cấp từ Trường Cao đẳng Đ4. Năm 2011, 2013 bị cáo H1 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng nhất, được Bộ Trưởng Bộ G, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Sau khi xét xử sơ thẩm, cho tới nay bị cáo H1 đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Trường Đại học Đ4, rất ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

- Bị cáo Trần Minh H1 trình bày:

Bị cáo là nhà giáo, là Hiệu trưởng và được sinh ra trong gia đình có truyền thống Cách mạng, bị cáo có anh trai nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3; trong quá trình công tác, bị cáo luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhiều lần được tặng thưởng Huân chương lao động, bằng khen, giấy khen… Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, những sai sót dẫn đến hậu quả nghiêm trọng cho Trường Đại học Đ4 xuất phát từ sự không hiểu biết trong lĩnh vực kế toán, tài chính và sự tin tưởng vào cấp dưới; bị cáo không có mục đích, động cơ vụ lợi mà chỉ là thiếu trách nhiệm trong công tác. Do vậy, kính mong Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo sớm về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng, xã hội. Tại giai

đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra thông qua Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai nên đề nghị Hội đồng xét xử giải tỏa lệnh kê biên tài sản đối với thửa đất số 755 thuộc tờ bản đồ số 24, thửa đất số 138 thuộc tờ bản đồ số 13 và số tiền 621.000.000 đồng trong tài khoản V1.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh T1 trình bày:

Về giám định: Ngày 19/9/2023, Cơ quan An ninh Điều tra ban hành Quyết định số 401/QĐ-ANĐT trưng cầu giám định lần 02. Ngày 27/02/2024, Sở Tài chính tỉnh Đ ban hành Kết luận giám định số 1049/KLGĐ-GĐV với người thực hiện là ông Đặng Thành C3. Theo Điều 30 Luật Giám định tư pháp năm 2012 thì việc giám định lại lần thứ 2 phải là Hội đồng giám định, tuy nhiên Kết luận số 1049/KLGĐ-GĐV do người giám định là cá nhân thực hiện là không đúng pháp luật. Ngoài ra, Cơ quan tiến hành tố tụng chưa có quyết định hủy bỏ các kết luận do Giám định viên Trần Quốc T14 ban hành, đồng thời tài liệu cơ quan điều tra chuyển giao cho bộ phận giám định đều là bản photocopy trong khi V2 Bộ C4 đã ban hành Thông báo số 624/C54-P5 ngày 30/5/2016 không nhận giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu sao chụp.

Về hành vi lập đề xuất chi 5.525.585.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 4.275.425.000 đồng: Bị cáo T1 lập đề xuất trên cơ sở bảng tính công từ các bộ phận liên quan tổng hợp lại theo hướng dẫn của người có thẩm quyền. Số tiền này sau đó được chi trả cho những người có tên trong danh sách, không có hành vi chiếm đoạt số tiền này. Thực tế, Trường Đại học Đ4 đã thu hồi được 3.440.814.535 đồng nên số tiền bị thiệt hại được xác định là 2.022.380.465 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ được vai trò của bị cáo T1 đối với thiệt hại này nhưng vẫn quy kết trách nhiệm đối với bị cáo là chưa thuyết phục. Trường hợp này cần xác định lỗi của từng cá nhân để phân hóa trách nhiệm mới hợp lý.

Về việc lập bảng tính công chi lần 02 cho cùng nội dung gây thiệt hại 137.759.000 đồng, trong đó bị cáo T1 bị quy kết gây thiệt hại 33.600.000 đồng: Bị cáo T1 không có động cơ vụ lợi, việc lập bảng tính công chi 02 lần cho cùng một nội dung là do sai sót, nhầm lẫn và mất chứng từ quyết toán phải làm lại.

Về phân hóa trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo T1 chỉ giữ vai trò tham mưu, đề xuất, hoàn toàn không có thẩm quyền quyết định duyệt chi, nên cần xác định vai trò của bị cáo là hạn chế nhất so với các bị cáo khác. Ngoài ra, bị cáo T1 còn có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

- Bị cáo Đặng Minh T1 trình bày:

Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo

không có mục đích vụ lợi trong công tác mà chỉ là sai sót về quy trình làm việc.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N và bị cáo Lê Thị Hoài L trình bày quan điểm:

Đối với bị cáo Lê Thị Hoài L: Bị cáo tham gia chấm 16.966 bài thu hoạch cùng với 10 giáo viên khác với số lượng là 6.016 bài và đã nhận tiền công là 48.816.000 đồng. Vì vậy, bị cáo L chỉ phải chịu trách nhiệm về việc gây thiệt hại số tiền này chứ không chịu trách nhiệm về toàn bộ 16.966 bài thu hoạch của 10 giảng viên khác chấm cùng với tổng số tiền là 138.560.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Như vậy, dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự về mối quan hệ nhân quả thì bị cáo L chỉ gây thiệt hại 69.855.000 đồng gồm 48.816.000 đồng công chấm bài và 21.039.000 đồng chi 02 lần cho cùng một nội dung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và hiện tại có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ và cha mẹ đã lớn tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N: Niên học 2018 - 2019, Trường Đại học Đ4 đã thu học phí của các lớp Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp với tổng số tiền 53.385.995.000 đồng. Bị cáo H1 giao bị cáo T hướng dẫn các bộ phận liên quan thanh quyết toán chi. Sau khi cân đối, bị cáo T thống nhất cùng bị cáo T1, H7, L lập chứng từ không rõ ràng, không đầy đủ, không có trong quy chế chi tiêu nội bộ để chi số tiền 5.463.195.000 đồng cho 587 giáo viên, nhân viên của Trường Đại học Đ4. Quá trình điều tra đã xác định được bị cáo N tuy có ký phiếu chi số tiền 1.787.280.000 đồng nhưng nhằm mục đích hợp thức hóa cho khoản chi trước đó của các bị cáo H1, T, T1, H7. Như vậy, hậu quả gây ra thiệt hại số tiền trên không xuất phát từ hành vi ký hợp thức hóa phiếu chi nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản tiền 1.787.280.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo N cũng thừa nhận thiếu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại 154.720.000 đồng gồm: 116.720.000 đồng chi 2 lần cùng một nội dung và 37.776.000 đồng tiền chấm bài không đúng quy định. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có động cơ, mục đích vụ lợi nên chỉ phạm "Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 360 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N.

- Bị cáo Lê Thị Hoài L trình bày:

Bị cáo không hưởng lợi, bị cáo biết mình đã sai nên xin được hưởng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- Bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N trình bày:

Bị cáo không có động cơ vụ lợi, bị cáo chỉ làm theo chỉ đạo của lãnh đạo, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để về nuôi 2 con còn nhỏ.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia B trình bày quan điểm:

Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Gia B ký duyệt các lần rút séc đều đúng quy trình; nội dung rút séc có mục đích phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường; sau khi rút tiền thì giao lại cho kế toán nhập sổ theo dõi; bị cáo B không có động cơ vụ lợi cá nhân. Trên thực tế, chỉ sau khi bị Cơ quan Điều tra mời lên làm việc, bị cáo B mới nhận thức được số tiền 650.472.000 đồng không thể hiện trên sổ sách theo dõi và không có chứng từ chi. Điều này cho thấy bị cáo B không có động cơ vụ lợi hay mục đích cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4. Hành vi của bị cáo B chỉ vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính, thiếu trách nhiệm trong thực thi chức trách, nhiệm vụ được giao nên không phạm "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" mà có có dấu hiệu của "Tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo cũng vẫn tự nguyện nộp lại số tiền 331.880.720 đồng nhằm khắc phục thiệt hại đã gây ra là thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bên cạnh đó, bị cáo B là Nhà giáo ưu tú, được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng, đã trên 70 tuổi, trực tiếp tham gia chiến trường Quảng Trị và tham gia chiến dịch phòng không không quân 72 ngày đêm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo B được hưởng án treo.

- Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo Võ Thị Ngọc D: Cha bị cáo mới mất, bị cáo còn con nhỏ, chồng thì đã ly dị. Xin Quý Tòa giảm án cho bị cáo để bị cáo về nuôi các con.

Bị cáo Phan Văn T: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình để sống nốt phần đời của mình.

Bị cáo Trần Minh H1: Bị cáo xin được giảm án để sớm về đoàn tụ cùng gia đình.

Bị cáo Đặng Minh T1: Bị cáo đã sai, xin Quí Tòa giảm án cho bị cáo.

Bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N: Bị cáo không vụ lợi, chỉ làm việc theo chỉ đạo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, xin được giảm án về nuôi con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Gia B: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị cáo đã già yếu và nhiều bệnh tật. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Lê Thị Hoài L: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, kính xin Quý T15 cho bị cáo giảm án để về với gia đình, chăm sóc các con thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của Đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1, Lê Thị Hoài L, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Nguyễn Gia B được làm trong thời hạn luật định, hợp pháp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Trường Đại học Đ4 được thành lập theo Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ một phần kinh phí. Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2022, Trường Đại học Đ4 có tổng kinh phí hoạt động là: 1.749.304.166.519 đồng (được ngân sách Nhà nước cấp: 1.075.831.367.693 đồng; nguồn thu tự chủ 673.472.798.880 đồng). Nguồn kinh phí trên phải được quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm và thực hiện niên độ kế toán theo năm từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm, nhưng Phan Văn T - Nguyên Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính kiêm Kế toán trưởng Trường Đại học Đ4 (đến ngày 01/10/2019) cùng các Hiệu trưởng Trường Đại học Đ4 là Nguyễn Gia B (đến ngày 01/10/2010), Trần Minh H1 (từ 02/11/2010 đến năm 2019); Đặng Minh T1 (nguyên Phó trưởng phòng Phòng Đào tạo); Dương Minh H7 (nguyên Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng); Lê Thị Hoài L (nguyên Trưởng Bộ môn Quản lý Giáo dục); Hoàng Thị Kiều Nguyệt N - Nguyên Kế toán trưởng trường Đại học Đ4 (từ ngày 01/10/2019) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý, theo dõi thu, chi, để ngoài sổ kế toán, không báo cáo tài chính hằng năm một phần nguồn thu kinh phí tự chủ gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4. Còn đối với bị cáo Võ Thị Ngọc D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt 2.987.450.000 đồng tiền học phí, lệ phí các khóa hệ Đại học liên thông, vừa làm vừa học mà D được giao trách nhiệm thu, nộp, quản lý. Do nguồn thu tự chủ tăng hàng năm và để nhằm mục đích che giấu nguồn thu tự chủ, Phan Văn T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc sử dụng kinh phí, không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định bằng việc lập 2 hệ thống sổ kế toán, sử dụng chứng từ thu tiền là Biên lai thu tiền và Phiếu thu tiền, cụ thể: Biên lai thu tiền sử dụng đối với việc thu học phí hệ chính quy hoặc khi đơn vị hợp đồng yêu cầu viết biên lai thu tiền; số tiền thu theo Biên lai thu tiền được hạch toán trên sổ kế toán, kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Phiếu thu tiền do Phan Văn T chỉ đạo cho kế toán, nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài chính tự in để sử dụng khi thu kinh phí sự nghiệp tự chủ; số tiền thu theo Phiếu thu tiền được để ngoài sổ kế toán một phần để giấu

doanh thu, không kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả điều tra xác định: Từ năm 2009 đến năm 2022, Trường Đại học Đ4 có nguồn thu tự chủ 673.472.798.880 đồng, trong đó có 86.464.360.839 đồng quản lý, thu, chi không đúng (gồm 6.559.731.000 đồng hạch toán trên sổ kế toán, đưa vào báo cáo tài chính và 79.904.629.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hằng năm) và 76.917.179.839 đồng không được hạch toán trên sổ kế toán, không đưa vào báo cáo tài chính hàng năm (gồm: 59.037.057.239 đồng theo dõi qua sổ phụ tại Ngân hàng N4, Chi nhánh T18; 10.834.959.100 đồng theo dõi qua sổ Quỹ tiền mặt từ ngày 10/11/2013 đến ngày 30/10/2016; 7.045.163.500 đồng tiền mặt do Phan Văn T - Kế toán trưởng giữ, không hạch toán trên sổ kế toán từ năm 2012 đến năm 2019) và 2.987.450.000 đồng do Võ Thị Ngọc D chiếm đoạt.

Với hành vi phạm tội như trên, các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Nguyễn Gia B, Lê Thị Hoài L đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Tội tham ô tài sản" (đối với bị cáo D) và " Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" (đối với bị cáo T, H1, T1, Nga, B).

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Nguyễn Gia B, Lê Thị Hoài L thừa nhận thực hiện hành vi không đúng quy định pháp luật nhưng cho rằng không có động cơ vụ lợi mà chỉ vì công việc chung của Trường Đại học Đ4 nên đề nghị xem xét lại tội danh cho phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Nguyễn Gia B, Trần Minh H1, Phan Văn T, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Đặng Minh T1, Lê Thị Hoài L là những người có chức vụ, quyền hạn của Trường Đại học Đ4. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của mình, làm trái quy định về kế toán trong việc thu, chi và chấm bài thu hoạch các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp; tham ô tài sản gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 và ngân sách Nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức xã hội, xâm phạm đến tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức; cụ thể trong vụ án này chính là hoạt động đúng đắn của Trường Đại học Đ4, gây thiệt hại cho pháp nhân này và làm thất thu ngân sách Nhà nước và làm giảm uy tín của Trường Đại học Đ4. Cụ thể:

Bị cáo Phan Văn T gây thiệt hại 13.127.407.347 đồng, trong đó gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 11.541.795.468 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 1.585.611.879 đồng. Bị cáo Trần Minh H1 gây thiệt hại số tiền 14.438.301.907 đồng, trong đó gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 12.865.979.468 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 1.572.322.439 đồng. Bị cáo Đặng Minh T1 gây thiệt hại cho Trường Đại học

Đ4 số tiền 4.330.064.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 1.941.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Gia B gây thiệt hại số tiền 663.761.440 đồng, trong đó gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 650.472.000 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 13.289.440 đồng. Bị cáo Lê Thị Hoài L gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 208.415.000 đồng. Bị cáo Dương Minh H7 gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 số tiền 653.346.000 đồng. Đối với bị cáo Võ Thị Ngọc D có hành vi tham ô số tiền 2.987.450.000 đồng của Trường Đại học Đ4.

[3.2.2] Quá trình điều tra xác định: Các bị cáo T, H1, B, T1, N, L, H7 không thực hiện hành vi chiếm đoạt, không vì vụ lợi nhưng có động cơ cá nhân phi vật chất khác, đó là ý thức mong muốn giải quyết nhanh chóng các khoản thu, chi; tăng thu nhập cho học viên, giáo viên; tăng nguồn kinh phí tự chủ; củng cố vị thế, uy tín của Trường Đại học Đ4…nên từ đó các bị cáo đã làm trái các quy định về kế toán, tài chính dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 và ngân sách Nhà nước. Những sai phạm của các bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 6, 7, 8 Điều 3 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các bị cáo và Luật sư đề nghị xem xét lại tội danh này là không có cơ sở.

[3.2.3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bị cáo được xác định như sau:

Từ tháng 6/2009 đến ngày 01/11/2010, bị cáo Nguyễn Gia B và Phan Văn T có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 650.472.000 đồng nên bị cáo B, T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho pháp nhân này, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 325.236.000 đồng. Từ ngày 02/11/2010 đến ngày 31/12/2017, bị cáo Trần Minh H1 và Phan Văn T lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại số tiền 5.698.349.468 đồng nên bị cáo H1 và T, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.849.174.234 đồng cho Trường Đại học Đ4.

Về khoản chi tiền công quản lý các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp: Tổng chi là 6.830.654.000 đồng, chi hợp lý 1.367.459.000 đồng, chi không đúng 5.463.195.000 đồng. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền này đã và đang được Trường Đại học Đ4 thu theo Thông báo số 48/ĐKT ngày 15/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3. Vì vậy, không buộc các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với khoản tiền này.

Về việc chi lần 2 cho một nội dung với số tiền 137.759.000 đồng: Bị cáo Đặng Minh T1 đã nộp khắc phục 33.600.000 đồng; bị cáo Dương Minh H7 nộp khắc phục 22.500.000 đồng; bị cáo Lê Thị Hoài L nộp khắc phục 21.039.000 đồng; bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nộp khắc phục 60.620.000 đồng, tổng cộng là

137.759.000 đồng. Thiệt hại này đã được khắc phục hoàn trả cho Trường Đại học Đ4.

Về khoản thu 7.045.163.500 đồng tiền học phí liên thông, vừa học vừa làm từ năm 2012 - 2018 là 7.045.163.500 đồng chưa nộp vào tài khoản của T16: Cơ quan An ninh điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau nên chưa xem xét trách nhiệm bồi thường của các cá nhân đối với thiệt hại trên.

Chi hoàn trả lệ phí, học phí trùng lần 2, 3 với số tiền 1.379.300.000 đồng: Đây là khoản tiền do bị cáo H1 và bị cáo T chi không đúng quy định nên hai bị cáo này có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Trường Đại học Đ4, mỗi bị cáo phải bồi thường 689.650.000 đồng.

Về khoản chi chấm bài thu hoạch với số tiền 187.376.000 đồng: Đã được chi cho Lê Thị Hoài L, Lê Đăng H8, Phan Thị Hồng H9, Cao Thị H10, Lê Thị Hải Y3, Nguyễn Thị Thu T7, Lê Thanh T6, Đào Phan Đình T9, Trần Thị Ngọc T8, Đoàn Thị H11, Hồ Hoàng Y4 nhận. Tuy nhiên, các giảng viên H8, H9, H10, Hải Y3, T7, T6, T9, T8, H11 đều giao lại cho bị cáo L. Do đó, bị cáo L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Trường Đại học Đ4 số tiền đã nhận là 140.416.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Hoàng Y4 phải hoàn trả số tiền 46.960.000 đồng.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Trường Đại học Đ4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong vụ án vì các bị cáo không có động cơ vụ lợi và có công sức đóng góp cho Trường Đại học Đ4.

[3.4] Hội đồng xét xử xét kháng cáo của các bị cáo như sau:

[3.4.1] Đối với bị cáo Võ Thị Ngọc D:

Bị cáo đã thực hiện hành vi tham ô số tiền 2.987.450.000 đồng là thuộc trường hợp định khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 06/6/2023, Cơ quan Điều tra đã thu giữ 2.065.785.000 đồng bị cáo D cất giấu trong tủ nơi làm việc. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo D đã nộp khắc phục được 810.000.000 đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo tiếp tục khắc phục thêm số tiền còn lại là 111.665.000 đồng. Như vậy, bị cáo D đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

Do bị cáo D được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo 18 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D đã khắc phục thêm số tiền 111.665.000 đồng; đồng thời, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đã bãi bỏ hình phạt

tử hình đối với tội danh tham ô tài sản nên việc quyết định hình phạt đối với bị cáo D cần phải được xem xét lại cho phù hợp. Như vậy, bị cáo D đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và số tiền tham ô đã được thu hồi trả lại cho Trường Đại học Đ4 nên Hội đồng xét xử quyết định giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3.4.2] Đối với bị cáo Phan Văn T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cho rằng: (1) Đối với số tiền 650.472.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 đã được chi hợp pháp nhưng chứng từ chi đã thất lạc và tương tự khoản tiền 5.698.349.468 đồng đã được nộp cho Kho bạc và chi cho các hoạt động của Trường Đại học Đ4 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho bị cáo gây thiệt hại 02 khoản tiền này là không đúng. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định bị cáo không chứng minh được đã chi hợp pháp đối với số tiền trên nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra. (2) Đối với khoản chi 5.463.195.000 đồng kinh phí bồi dưỡng các chức danh nghề nghiệp: Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng số tiền này đã được chi trả cho 587 giáo viên, nhân viên của Trường Đại học Đ4 nhưng trên thực tế không có phiếu chi, không được hạch toán đầy đủ trên hệ thống kế toán, nên không có cơ sở xác định bị cáo đã chi hợp pháp, do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm về thất thoát trên. (3) Đối với hành vi gây thiệt hại cho Nhà nước về khoản thu thuế thu nhập doanh nghiệp: Bị cáo T và Luật sư cho rằng Trường Đại học Đ4 không phải là đối tượng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 123/2012/TT-BCT ngày 27/7/2012 và Văn bản số 7686/BCT-CST ngày 12/6/2017 của Bộ T19. Tuy nhiên, là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ một phần kinh phí (một phần do ngân sách Nhà nước cấp, một phần thu tự chủ) nên Trường Đại học Đ4 là đối tượng chịu thuế thu nhập theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và năm 2015. Điều này phù hợp với Kết luận giám định số 1049/KLGĐ-CGĐV ngày 27/02/2024 của Giám định viên Tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đ. Ngoài ra, bị cáo T và Luật sư còn trình bày vào năm 2021, Trường Đại học Đ4 đã bị Cục Thuế tỉnh Đ xử phạt hành chính nên bị cáo T không thể tiếp tục bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên quan điểm này không phù hợp với nguyên tắc xử lý hành chính không thay thế xử lý trách nhiệm hình sự, và hơn nữa theo quyết định xử phạt của Cục Thuế tỉnh Đ thì đối tượng bị xử phạt là Trường Đại học Đ4 mà không phải là cá nhân bị cáo T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của bị cáo T và quan điểm bào chữa của Luật sư về nội dung này.

Mặc dù vậy nhưng trong quá trình điều tra, bị cáo T vẫn tự nguyện nộp lại số tiền 162.528.000 đồng. Bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác, được tặng Bằng khen, Giấy khen; có cha ruột là cụ Phan Văn Đ là người có công với Cách mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

đồng thời bị cáo cũng tác động gia đình khắc phục thêm số tiền 700.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3.4.3] Đối với bị cáo Trần Minh H1:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có nhiều thành tích trong công tác, được tặng thưởng Huân chương lao động Hạng ba, được Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3, Bộ trưởng Bộ G, Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều Bằng khen; bị cáo có anh trai là Trần Minh P1, nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 được tặng thưởng nhiều huân chương lao động. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp 461.033.000 đồng khắc phục hậu quả và tác động gia đình nộp thêm 400.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp số tiền còn lại là 3.138.824.234 đồng để khắc phục toàn bộ thiệ hại cho Trường Đại học Đ4. Đây là tình tiết mới cần xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H1.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 57/2025/HS-PT ngày 14 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Trần Minh H1 09 tháng tù về "Tội đưa hối lộ". Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo H1 theo đúng quy định pháp luật.

[3.4.4] Đối với bị cáo Đặng Minh T1:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; đã nộp lại số tiền 457.300.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4 và tiền khắc phục hậu quả chi lần 02 cho cùng 01 nội dung là 33.600.000 đồng. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời thiệt hại cũng đã được bị cáo khắc phục toàn bộ. Với vai trò đồng phạm đứng thứ ba trong vụ án, mặc dù không có tình tiết mới phát sinh ở giai đoạn xét xử phúc thẩm nhưng Hội đồng xét xử vẫn xem xét, phân hóa vai trò của từng bị cáo để đảm bảo sự công bằng khi quyết định hình phạt.

[3.4.5] Đối với bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã nộp lại 283.605.000 đồng gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4; ngoài ra, bị cáo cùng với các giảng viên khác nộp lại số tiền 60.620.000 đồng; bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; bà ngoại của bị cáo có công với cách mạng, ông ngoại của bị cáo là thương binh và có nhiều chiến công trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 tặng bằng khen; bản thân bị cáo

hiện nay đang phải điều trị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm. Như vậy, bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời thiệt hại cũng đã được bị cáo khắc phục toàn bộ. Tương tự như bị cáo T1, mặc dù không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm nhưng Hội đồng xét xử vẫn xem xét, đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính công bằng khi quyết định hình phạt.

[3.4.6] Đối với bị cáo Nguyễn Gia B:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện nộp khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 331.880.720 đồng; đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã trên 73 tuổi; được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú; được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; đã trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1971-1975 tại Chiến trường Quảng Trị, tham gia chiến dịch phòng không không quân 72 ngày đêm; trong quá trình công tác, bị cáo luôn đạt thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, được Bộ trưởng Bộ G và Đào tạo tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục, được Bộ V3 - Thông tin tặng Huân chương vì sự nghiệp văn hóa thông tin, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ3 tặng Bằng khen năm 1994, 1995, 1996, 1999, được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đ tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở liên tục từ năm 2006 đến năm 2009. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, o, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử Thư cảm ơn của Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2025 xác nhận bị cáo B có công phát hiện, trình báo Công an bắt giữ đối tượng Lin Hong D3 (quốc tịch Đài Loan) có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình bệnh án tăng huyết áp, đái tháo đường, nang giáp thùy, rối loạn chức năng tâm trương, dày dính màng phổi đáy phổi, phì đại tiền liệt tuyến.

Như vậy, cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, bị cáo B đã trên 73 tuổi; có 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Trường Đại học Đ4; hành vi phạm tội đã kết thúc từ năm 2010; nên tính nguy hiểm cho xã hội không còn nữa. So với các bị cáo khác, hành vi phạm tội của bị cáo B gây nguy hiểm cho xã hội ở mức độ hạn chế; vai trò của bị cáo trong các lần phạm tội là đồng phạm giúp sức không đáng kể; bị cáo có nhân thân tốt và có địa chỉ cư trú rõ ràng. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt có thời hạn là không cần thiết, mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối

với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[3.4.7] Đối với bị cáo Lê Thị Hoài L: Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh khó khăn, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, không có động cơ vụ lợi cá nhân, phạm tội trong hoàn cảnh bị lệ thuộc cấp trên; có thành tích trong công tác. Xét thấy, quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục toàn bộ hậu quả gây thiệt hại cho Trường Đại học Đ4; có thành tích trong quá trình công tác, nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; bị cáo có học vị Tiến sĩ; cha của bị cáo được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội nên được áp dụng thêm tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51. Như vậy, bị cáo L được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2025, đồng thời hậu quả gây thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn. Đây là tình tiết mới và đồng thời vai trò của bị cáo trong vụ án là hạn chế nhất nên Hội đồng xét xử thống nhất giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo đúng nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong vụ án có đồng phạm.

[3.4.8] Đối với bị cáo Dương Minh H7: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại số tiền gây thiệt hại 188.615.000 đồng và số tiền khắc phục hậu quả chi lần 02 cho cùng 01 nội dung là 22.500.000 đồng. Trong quá trình công tác, bị cáo cũng đạt nhiều thành tích xuất sắc, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; có cha là bộ đội phục viên, được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Như vậy, bị cáo H7 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo H7 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 04 năm tù nhưng không kháng cáo nên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Tuy nhiên, để bảo đảm sự phân hóa tội phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự và bảo đảm được sự công bằng trong quyết định hình phạt đối với vụ án có đồng phạm mà trong đó vai trò của từng bị cáo có tính chất nguy hiểm cho xã hội là khác nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo H7.

[3.5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[3.5.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh H1 đã thực hiện xong trách nhiệm dân sự nên việc kê biên tài sản của Cơ quan An ninh Điều tra tỉnh Đồng Nai đối với tài sản của bị cáo H1 nhằm đảm bảo việc thi hành án là không còn cần thiết nữa. Do đó, Hội đồng xét xử giải tỏa Lệnh kê biên số 65/LKB-ANĐT ngày 24/6/2024 đối với thửa đất số 755 và thửa đất số 138 do Trần Minh H1 và bà Nguyễn Thị Kiều L1 đứng tên trên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất; giải tỏa Lệnh phong tỏa tài khoản số 66/LPT-ANĐT phong tỏa số tiền 621.000.000 đồng trong các tài khoản số 103813755405 và số 106002770570, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 248012012812 và 249010609404 của bị cáo Trần Minh H1 tại Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh Đ5.

[3.5.2] Đối với các tài sản, đồ vật bị tạm giữ: Trả lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

[3.6] Về quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

[3.6.1] Về đề nghị xem xét lại kết luận giám định: Ngày 19/9/2023, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Đ ban hành Quyết định trưng cầu giám định lại số 400/QĐ-ANĐT và Quyết định số 401/QĐ-ANĐT trưng cầu giám định đối với những nội dung mới phát sinh chưa trưng cầu giám định. Xét thấy, tại thời điểm Cơ quan An ninh Điều tra ban hành quyết định trưng cầu giám định thì trước đó chỉ có 01 kết luận giám định ban đầu do Giám định viên Trần Quốc T14 tiến hành mà chưa có kết luận giám định lại, cho nên về bản chất thì Quyết định trưng cầu giám định số 400/QĐ-ANĐT chỉ là quyết định trưng cầu giám định lại mà không phải quyết định trưng cầu giám định lần hai. Mặt khác, trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo và luật sư không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại đối với các kết luận giám định số 6901/KLGĐ-GĐV ngày 09/11/2023 và 1049/KLGĐ-GĐV ngày 27/02/2024. Vì vậy, hoàn toàn có căn cứ xác định các Kết luận giám định số 6901/KLGĐ-GĐV ngày 09/11/2023 và Kết luận giám định số 1049/KLGĐ-GĐV ngày 27/02/2024 được ban hành đúng trình tự theo Điều 29, Điều 30 Luật Giám định tư pháp, Điều 211 Bộ luật Tố tụng hình sự và đảm bảo tính khách quan. Vì vậy, không có cở chấp nhận quan điểm của Luật sư.

[3.6.2] Về quan điểm của Luật sư cho rằng khi xác định tổng cộng số tiền của những lần tham ô trên 1.000.000.000 đồng thì bị cáo mới bị xét xử ở khoản 4 Điều 343 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu mà tổng trị giá tài sản của các lần phạm tội thỏa mãn dấu hiệu định khung tăng nặng, nếu các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng với trị giá tài sản chiếm đoạt, họ còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Việc áp dụng khung hình phạt tăng nặng trong trường hợp này là căn cứ vào trị giá tài sản chiếm đoạt, còn việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội. Do đó, việc áp dụng tình tiết này hoàn toàn không mâu thuẫn với khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015

quy định về các tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Hơn nữa, việc áp dụng pháp luật như trên còn bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 về bảo đảm sự phân hóa tội phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo đảm sự công bằng trong việc xem xét cho hưởng án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện cũng như các chế định nhân đạo khác đối với người phạm tội. Do đó, quan điểm của Luật sư về nội dung này cũng không có cơ sở chấp nhận.

[3.6.3] Về quan điểm của Luật sư cho rằng hành vi của một số bị cáo không thuộc trường hợp "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà chỉ là hành vi "phạm tội liên tục, kéo dài" thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi "phạm tội nhiều lần" là trường hợp người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau mà chưa bị đưa ra xét xử, trong đó các hành vi đều đủ để cấu thành một tội phạm độc lập. Còn đối với hành vi phạm tội liên tục là trường hợp nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại đến một quan hệ xã hội và đều bị chi phối bởi cùng một ý định phạm tội cụ thể thống nhất; người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng nếu tách các hành vi thì không cấu thành tội phạm độc lập do tính nguy hiểm chưa đáng kể. Ở trường hợp vụ án cụ thể này, các bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần và mặc dù liên tục kéo dài, nhưng mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc định khung hình phạt là đúng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của Luật sư về nội dung này.

[3.6.4] Về quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1, Lê Thị Hoài L, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Nguyễn Gia B; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Tuyên xử:

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc D 15 (mười lăm) năm tù về "Tội tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2023.

2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 10 (mười) năm tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt tù của bản án này với Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo T 01 năm 02 tháng tù về "Tội đưa hối lộ". Buộc bị cáo Phan Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023.

3. Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H1 06 (sáu) năm tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Tổng hợp hình phạt tù của bản án này với Bản án hình sự phúc thẩm số 57/2025/HS-PT ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Trần Minh H1 09 tháng tù về "Tội đưa hối lộ". Buộc bị cáo Trần Minh H1 phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2023.

4. Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Minh T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

5. Áp dụng: Khoản 3 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều N3 N 05 (năm) năm tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

6. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Minh H7 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

7. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hoài L 03 (ba) năm tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

- Tiếp tục tạm giam các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Đặng Minh T1 và Lê Thị Hoài L để đảm bảo việc thi hành án.

8. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm b, s, o, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia B 03 (ba) năm tù về "Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Gia B cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Gia B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

9. Về trách nhiệm dân sự:

9.1. Bị cáo Võ Thị Ngọc D: Tại Cơ quan Điều tra, ông Võ Văn M đã nộp thay cho bị cáo D số tiền 700.000.000 đồng; ngày 21/11/2024, Luật sư Nguyễn Tiến D2 nộp thay cho bị cáo D 110.000.000 đồng; ngày 18/4/2025, Luật sư Nguyễn Tiến D2 nộp thay cho bị cáo D 111.665.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0000979 ngày 18/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai. Như vậy, bị cáo D đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

9.2. Bị cáo Phan Văn T: Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 162.528.000 đồng. Ngày 20/5/2025, ông Phan Tiến Q1 nộp thay cho bị cáo T 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000989 của Cục Thi

hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai; ngày 28/8/2025, ông Phan Tiến Q1 tiếp tục nộp thay cho bị cáo T 500.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000248 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai. Như vậy, bị cáo Phan Văn T còn phải bồi thường cho Trường Đại học Đ4 số tiền là 3.001.532.234 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

9.3. Bị cáo Trần Minh H1: Ngày 05/5/2025, bà Lương Minh T17 nộp thay cho bị cáo Trần Minh H1 1.000.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000986 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai; ngày 28/7/2025, bà Phan Trần Bảo L8 nộp thay cho bị cáo Trần Minh H1 2.138.824.234 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007146 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Như vậy, bị cáo Trần Minh H1 đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

9.4. Bị cáo Nguyễn Gia B: Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo B đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả tổng số tiền 331.880.720 đồng. Như vậy, bị cáo B đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

9.5. Bị cáo Lê Thị Hoài L: Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo L đã tự nguyện nộp lại số tiền 161.725.000 đồng. Như vậy, bị cáo Lê Thị Hoài L đã khắc phục xong thiệt hại cho Trường Đại học Đ4.

10. Về biện pháp tư pháp:

10.1. Giải tỏa Lệnh kê biên số 65/LKB-ANĐT ngày 24/6/2024 của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Đ đối với thửa đất số 755 và thửa đất số 138 và tài sản trên đất do Trần Minh H1, Nguyễn Thị Kiều L1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10.2. Giải tỏa Lệnh phong tỏa tài khoản số 66/LPT-ANĐT ngày 26/6/2024 của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Đ phong tỏa số tiền 621.000.000 đồng trong các tài khoản số 103813755405 và số 106002770570, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 248012012812 và 249010609404 của bị cáo Trần Minh H1 tại Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh Đ5 (địa chỉ: G H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

10.3. Đối với các tài sản, đồ vật bị tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) tỉnh Đồng Nai:

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Minh H1: 01 (một) điện thoại di động Iphone XS Max, số máy MT6L2LL/A, số Sê-ri F2LYP3G6KPHJ màu vàng; có gắn sim điện thoại số 0913755405; 01 (một) thùng CPU màu đen, trên thùng có ký hiệu Jetek; 01 (một) ổ cứng hiệu Seagate, dung lượng ghi trên vỏ

750GB, số SN 5WS2GMM0; 01 (một) USB hiệu Toshiba, màu trắng bạc; 01 (một) USB hiệu PNY, màu đen, dung lượng ghi trên vỏ 8GB; 01 (một) USB hiệu Kingston DT109, màu trắng, dung lượng ghi trên vỏ 4GB; 01 (một) USB hiệu PNY, màu vàng, dung lượng ghi trên vỏ 4GB; 01 (một) miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, một mặt có dãy chữ số "A011835", "SJC RỒNG VÀNG 999.9 ... (1 LƯỢNG)" đã được niêm phong; 01 (một) thẻ nhựa V1 số 9704 1552 3182 9377 mang tên TRAN MINH HUNG; 01 (một) thẻ nhựa V1 số 9704 1501 2464 3209 mang tên TRAN MINH HUNG.

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Thị Ngọc D: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, số IMEI 355900068065464; 01 máy tính xách tay màu xám hiệu HP 348G7 (1YWTY-9PG93PA).

- Hoàn trả cho bị cáo Đặng Minh T1: 01 (một) CPU không nhãn hiệu, số hiệu.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Thị Hoài L: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số imei 358598938623726 gắn sim số 0836057167; 01 (một) ổ cứng hiệu Seagate màu trắng bạc; 01 (một) USB màu đen hiệu Transcend 8G; 01 (một) USB màu cam bạc; 01 (một) USB màu đen hiệu Lexar 32G; 01 (một) USB màu trắng hiệu Toshiba 16G; 01 (một) USB màu trắng bạc hiệu Kingston, ký hiệu DTSE9 8G; 01 (một) USB màu đỏ hiệu Kingston, ký hiệu DT108 8G; 01 (một) thẻ nhớ màu đen ký hiệu micro HC 8G; 01 (một) thùng CPU màu đen ký hiệu Dell vostro; 01 (một) laptop màu đen hiệu Fujitsu; 01 (một) xe ô tô màu trắng mang biển kiểm soát 60A-571.67, nhãn hiệu PeuGeot, số loại 508 kèm theo Giấy đăng ký số 101476 cấp ngày 26/12/2018.

- Hoàn trả cho bị cáo Hoàng Thị Kiều Nguyệt N: 01 (một) máy tính xách tay hiệu HP B00502010, màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi7 số Imei 1: 867204040977654, số Imei 2: 867204040977662.

11. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Võ Thị Ngọc D, Phan Văn T, Trần Minh H1, Nguyễn Gia B, Đặng Minh T1, Hoàng Thị Kiều Nguyệt N, Lê Thị Hoài L không phải chịu.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam 01 Công an tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo trong vụ án;
- Uỷ ban nhân dân phường Trấn Biên;
- Uỷ ban nhân dân phường Trảng Dài;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

Ngô Mạnh Cường